

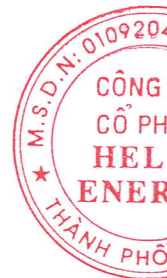
Số: 23./2026/HIO/CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội*

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 1 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:



### 1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO.
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

### 2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 1/2026:
  - ☒ BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).
  - ☐ BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).
  - ☐ BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):

☐ Có☒ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán ...):

☐ Có☒ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

36

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29./04/2026 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính riêng Quý 1/2026;
- Công văn số 21/2026/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD Quý 1/2026.

**Đại diện tổ chức**  
Người được ủy quyền công bố thông tin



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Bùi Tuấn Dương*

CÔNG TY CỔ PHẦN  
HELIO ENERGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2026/CV-HIO

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

V/v: Giải trình biến động  
kết quả SXKD Quý 1/2026

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

Căn cứ theo Thông tư 68/2024/TT-BTC ký ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi là "Công ty") có mã chứng khoán là HIO xin giải trình với Quý Ủy Ban, Quý Sở về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2026 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 1/2025	Quý 1/2026	So sánh cùng kỳ	
				Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	427.695.650	963.447.086	535.751.436	125,26%

Trong Quý 1 năm 2026, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 963.447.086 đồng, tương ứng mức tăng 125,26% so với cùng kỳ năm trước, do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm 840.632.217 đồng tương ứng giảm 31,68 % so với cùng kỳ năm 2025.
- Doanh thu tài chính tăng 1.706.142.798 đồng so với cùng kỳ năm 2025, doanh thu tài chính tăng chủ yếu do trong quý 1 năm 2026 Công ty được phân chia lợi nhuận của các công con.
- Chi phí tài chính tăng 242.959.993 đồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do trong quý 1 năm nay Công ty có hoàn nhập dự phòng đầu tư ít hơn cùng kỳ năm trước.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 207.892.339 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Quý Sở được biết về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong quý. *h*

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Phan Thành Đạt*





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## **QUÝ 1 NĂM 2026**

(Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026)

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.504.424.353</b>	<b>7.924.504.091</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>272.345.160</b>	<b>979.321.266</b>
1. Tiền	111	4	272.345.160	979.321.266
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.771.252.873</b>	<b>5.217.620.854</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.484.354.260	4.539.871.369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.247.150.200	637.086.353
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	52.001.769	52.916.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(12.253.356)	(12.253.356)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>283.259.785</b>	<b>33.010.909</b>
1. Hàng tồn kho	141		283.259.785	33.010.909
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>1.177.566.535</b>	<b>1.694.551.062</b>
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	7	1.177.566.535	1.694.551.062
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>466.383.251.768</b>	<b>257.563.743.014</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>740.000.000</b>	<b>740.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	215	8	740.000.000	740.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>11</b>	<b>31.335.948.267</b>	<b>32.377.593.588</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		31.335.948.267	32.377.593.588
- Nguyên giá	222		53.073.074.935	53.073.074.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.737.126.668)	(20.695.481.347)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>1.548.841.555</b>	<b>1.588.555.441</b>
- Nguyên giá	241		2.382.833.161	2.382.833.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(833.991.606)	(794.277.720)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>430.768.000.000</b>	<b>220.706.636.468</b>
1. Đầu tư vào công ty con	261	10	384.768.000.000	174.768.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	9	46.000.000.000	46.000.000.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	(61.363.532)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>1.990.461.946</b>	<b>2.150.957.517</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	7	1.893.287.590	2.047.027.705
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		97.174.356	103.929.812
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>473.887.676.121</b>	<b>265.488.247.105</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.013.725.274</b>	<b>31.069.243.344</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.983.725.274</b>	<b>15.389.243.344</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	988.416.639	1.736.956.155
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	14	905.547.067	948.734.515
3. Phải trả người lao động	315		93.000.000	1.027.067.747
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	2.424.093.367	1.796.436.726
5. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		23.250.000	69.750.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	320		3.229.120.000	2.700.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	16	6.050.000.000	5.840.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.270.298.201	1.270.298.201
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.030.000.000</b>	<b>15.680.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	16	14.030.000.000	15.680.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>444.873.950.847</b>	<b>234.419.003.761</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>444.873.950.847</b>	<b>234.419.003.761</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		420.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		420.000.000.000	210.000.000.000
2. Thặng dư vốn	412		(508.500.000)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.382.450.847	24.419.003.761
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		24.419.003.761	9.748.875.624
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		963.447.086	14.670.128.137
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>473.887.676.121</b>	<b>265.488.247.105</b>

Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu

Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 23 tháng 4 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**QUÝ 1 NĂM 2026**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	8.552.490.005	8.849.312.963	8.552.490.005	8.849.312.963
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		8.552.490.005	8.849.312.963	8.552.490.005	8.849.312.963
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	6.739.601.385	6.195.792.126	6.739.601.385	6.195.792.126
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.812.888.620	2.653.520.837	1.812.888.620	2.653.520.837
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	21	1.710.306.699	4.163.901	1.710.306.699	4.163.901
6. Chi phí tài chính	23	22	333.599.690	90.639.697	333.599.690	90.639.697
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		394.963.222	515.993.358	394.963.222	515.993.358
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	2.216.680.801	2.008.788.462	2.216.680.801	2.008.788.462
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-26)	30		972.914.828	558.256.579	972.914.828	558.256.579
9. Thu nhập khác	31		285.337	620.033	285.337	620.033
10. Chi phí khác	32		9.753.079	16.405.640	9.753.079	16.405.640
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(9.467.742)	(15.785.607)	(9.467.742)	(15.785.607)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		963.447.086	542.470.972	963.447.086	542.470.972
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	114.775.322	-	114.775.322
14. Lợi nhuận/(lỗ)sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( 60=50-51-52)	60		963.447.086	427.695.650	963.447.086	427.695.650

**Đỗ Thị Trang**  
Người lập biểu

**Lê Thị Trang**  
Kế toán trưởng



**Phan Thanh Đạt**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 23 tháng 4 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 1 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	963.447.086	542.470.972
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	1.081.359.207	1.081.359.207
Các khoản dự phòng	03	(61.363.532)	(425.353.661)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.710.306.699)	(4.163.901)
Chi phí lãi vay	06	394.963.222	515.993.358
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	668.099.284	1.710.305.975
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.156.674.680	(11.941.930.489)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(243.493.420)	(2.441.818)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	640.207.594	514.025.869
Giảm/(tăng) chi phí chờ phân bổ	12	670.724.642	(767.171.153)
Chi phí đi vay đã trả	14	(395.018.701)	(517.257.879)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(604.723.801)	(1.083.915.670)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(650.946.384)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.241.523.894	(12.088.385.165)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(210.000.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	-	4.163.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(210.000.000.000)	4.163.901
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	209.491.500.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.440.000.000)	(1.320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	208.051.500.000	(1.320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	(706.976.106)	(13.404.221.264)
Tiền đầu năm/kỳ	60	979.321.266	14.224.667.716
Tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	70	272.345.160	820.446.452

Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu

Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 23 tháng 4 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020, đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 30 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của công ty là 420.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Từ ngày 18/04/2026 Công ty thực hiện thay đổi mô hình tổ chức quản lý từ mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 sang mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

**Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

**Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

**Ủy ban kiểm toán**

Các thành viên Ủy ban kiểm toán đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

**Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng giám đốc



**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có 26 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
26	Công ty cổ phần SD Trường Thành	59,32%	59,32%	Lâm Đồng	Sản xuất điện

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Theo đó, Công ty thực hiện chuyển đổi số dư đầu kỳ và áp dụng phương pháp điều chỉnh hồi tố đơn giản đối với số liệu so sánh năm trước.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



#### Kỳ Kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang       | - | Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện. |

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### **Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### *Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### *Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

### **Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.



### **Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

### **Chi phí chờ phân bổ**

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### **Các khoản đầu tư**

#### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



## Thuế

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



### Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

## 4. TIỀN

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	53.774.000	42.426.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	218.571.160	936.895.266
	<b>272.345.160</b>	<b>979.321.266</b>

## 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng	2.358.834.260	2.868.031.369
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	268.042.280	197.481.228
Công ty Điện lực Lâm Đồng	297.821.715	270.275.567
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	261.283.125	209.409.378
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu	224.967.665	145.323.608
Phải thu từ các bên khác	1.306.719.475	2.045.541.588
Phải thu từ các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 25)	2.125.520.000	1.671.840.000
	<b>4.484.354.260</b>	<b>4.539.871.369</b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction	302.400.000	467.328.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	113.260.000	113.260.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	596.018.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	196.000.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	39.472.200	56.497.393
	<b>1.247.150.200</b>	<b>637.086.353</b>

7. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
<b>a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn</b>		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	697.900.607	758.639.459
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	479.665.928	935.911.603
	<b>1.177.566.535</b>	<b>1.694.551.062</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	433.716.577	516.657.160
Chi phí sửa chữa thi công văn phòng	1.226.905.656	1.338.442.533
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	232.665.357	191.928.012
	<b>1.893.287.590</b>	<b>2.047.027.705</b>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Các khoản đặt cọc	740.000.000	740.000.000
	<b>740.000.000</b>	<b>740.000.000</b>

9. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	46.000.000.000	46.000.000.000
	<b>46.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>



10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Tại 31/03/2026		Tại 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	-	10.095.000.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	-	10.100.000.000	(61.363.532)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	210.000.000.000	-	-	-
	<b>384.768.000.000</b>	<b>-</b>	<b>174.768.000.000</b>	<b>(61.363.532)</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại thời điểm lập báo cáo do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Tấm pin mặt trời VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	76.541.604	8.220.192.626	84.160.805	2.801.588.517	9.512.997.795	20.695.481.347
Khấu hao trong kỳ	3.817.950	411.160.341	8.516.817	143.546.118	474.604.095	1.041.645.321
Số dư cuối kỳ	80.359.554	8.631.352.967	92.677.622	2.945.134.635	9.987.601.890	21.737.126.668
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	152.535.436	10.378.534.974	18.041.013	2.865.234.065	18.963.248.100	32.377.593.588
Tại ngày cuối kỳ	148.717.486	9.967.374.633	9.524.196	2.721.687.947	18.488.644.005	31.335.948.267

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	2.382.833.161
Số dư cuối kỳ	2.382.833.161
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	794.277.720
Khấu hao trong kỳ	39.713.886
Số dư cuối kỳ	833.991.606
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	1.588.555.441
Tại ngày cuối kỳ	1.548.841.555



**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Tại 31/03/2026		Tại 01/01/2026	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần S-Home Việt Nam	237.209.936	237.209.936	945.517.936	945.517.936
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	-	494.515.200	494.515.200
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	291.600.000	291.600.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	459.606.703	459.606.703	296.923.019	296.923.019
	<b>988.416.639</b>	<b>988.416.639</b>	<b>1.736.956.155</b>	<b>1.736.956.155</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 31/03/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	260.998.161	448.580.540	260.998.161	448.580.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	604.723.801	-	604.723.801	-
Thuế thu nhập cá nhân	83.012.553	456.966.527	83.012.553	456.966.527
	<b>948.734.515</b>	<b>905.547.067</b>	<b>948.734.515</b>	<b>905.547.067</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	2.198.079.667	1.499.367.548
Chi phí lãi vay	17.013.699	17.069.178
Các khoản trích trước khác	209.000.001	280.000.000
	<b>2.424.093.367</b>	<b>1.796.436.726</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

16. VAY

	Tại 01/01/2026		Trong kỳ		Phân loại theo lịch trả nợ		Tại 31/03/2026	
	VND		VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay dài hạn đến hạn trả	5.840.000.000	5.840.000.000	-	1.440.000.000	1.650.000.000	-	6.050.000.000	6.050.000.000
	<u>5.840.000.000</u>	<u>5.840.000.000</u>	-	<u>1.440.000.000</u>	<u>1.650.000.000</u>	-	<u>6.050.000.000</u>	<u>6.050.000.000</u>
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	15.680.000.000	15.680.000.000	-	-	-	1.650.000.000	14.030.000.000	14.030.000.000
	<u>15.680.000.000</u>	<u>15.680.000.000</u>	-	-	-	<u>1.650.000.000</u>	<u>14.030.000.000</u>	<u>14.030.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u>21.520.000.000</u>	<u>21.520.000.000</u>	-	<u>1.440.000.000</u>	<u>1.650.000.000</u>	<u>1.650.000.000</u>	<u>20.080.000.000</u>	<u>20.080.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	Tại 31/03/2026	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	16.560.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029	7,1% - 7,5 %	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power - công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	3.520.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027	9,4%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>20.080.000.000</u>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	6.050.000.000
Vay dài hạn	14.030.000.000



17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND		VND	VND
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	-	24.419.003.761	234.419.003.761
Lãi (Lỗ) trong kỳ	-	-	963.447.086	963.447.086
Tăng/(giảm) vốn trong năm	210.000.000.000	(508.500.000)	-	209.491.500.000
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	420.000.000.000	(508.500.000)	25.382.450.847	444.873.950.847

Cổ phiếu

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	42.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

(\*) Tại ngày 31/03/2026 Công ty có 42.000.000 cổ phiếu đã phát hành, trong đó có 21.000.000 cổ phiếu phát hành trong năm đang trong quá trình đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Tại 31/03/2026		Tại 01/01/2026	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	291.120.000.000	69,31%	145.560.000.000	69,31%
Các cổ đông khác	128.880.000.000	30,69%	64.440.000.000	30,69%
	420.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 VND
Doanh thu bán điện	2.665.883.565	2.578.350.163
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	5.840.106.440	6.220.962.800
Doanh thu cho thuê	46.500.000	50.000.000
	<b>8.552.490.005</b>	<b>8.849.312.963</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	2.736.000.000	2.904.550.000

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 VND
Giá vốn bán điện	1.843.707.811	1.530.455.601
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	4.850.875.469	4.620.318.420
Giá vốn cho thuê	45.018.105	45.018.105
	<b>6.739.601.385</b>	<b>6.195.792.126</b>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 VND
Chi phí nhân viên	4.684.171.531	3.566.455.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.081.359.207	1.081.359.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.190.751.448	3.542.618.316
Chi phí khác bằng tiền	-	14.147.811
	<b>8.956.282.186</b>	<b>8.204.580.588</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 VND
Lợi nhuận được chia	1.700.000.000	-
Lãi tiền gửi	10.306.699	4.163.901
	<b>1.710.306.699</b>	<b>4.163.901</b>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 VND
Lãi tiền vay	394.963.222	515.993.358
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(61.363.532)	(425.353.661)
	<b>333.599.690</b>	<b>90.639.697</b>



23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.283.950.901	857.208.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.485.756	8.516.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	904.244.144	1.131.381.659
Chi phí khác bằng tiền	-	11.681.481
	<b>2.216.680.801</b>	<b>2.008.788.462</b>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	114.775.322
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	114.775.322
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	114.775.322

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	963.447.086	542.470.972
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.700.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	24.753.079	31.405.640
Chuyển lỗ	-	-
Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	-	-
Thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	<b>(711.799.835)</b>	<b>573.876.612</b>
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	-	<b>114.775.322</b>

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Long	Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Trần Minh Đức	Thành viên độc lập HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Phương	Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Lê Thị Trang	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Công ty TNHH Apollo Power 2	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Công ty TNHH Apollo Power 4	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Công ty TNHH Ampire Power 4	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Công ty TNHH Omega Power 3	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Kế toán trưởng
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Không còn là công ty con của Công ty từ ngày 14/10/2025
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con



25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Công ty con của Công ty từ ngày 16 tháng 3 năm 2026

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026</u>	<u>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Apollo Power 4	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	108.000.000	108.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	72.000.000	82.725.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	72.000.000	83.550.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	72.000.000	83.825.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	72.000.000	83.825.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	72.000.000	84.650.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	72.000.000	84.925.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	72.000.000	85.200.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	72.000.000	84.925.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	72.000.000	84.100.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	72.000.000	82.450.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	72.000.000	84.375.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	72.000.000	72.000.000

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025
	VND	VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)</b>		
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	Không còn là bên liên quan	36.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	36.000.000	36.000.000
	<b>2.736.000.000</b>	<b>2.904.550.000</b>
	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025
	VND	VND
<b>Lợi nhuận được chia</b>		
Công ty TNHH Apollo Power 4	400.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	500.000.000	-
	<b>1.700.000.000</b>	-

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Apollo Power 4	51.840.000	51.840.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	103.680.000	77.760.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH Omega Power 3	38.960.000	38.880.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Solar Việt	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	103.680.000	51.840.000
Công ty TNHH KCP Energy	129.600.000	51.840.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	129.600.000	51.840.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	103.680.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	25.920.000	25.920.000



25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)</b>		
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	77.760.000	51.840.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	51.840.000	25.920.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	12.960.000	25.920.000
	<b>2.125.520.000</b>	<b>1.671.840.000</b>
	Tại 31/03/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH Apollo Power 4	-	400.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	-	300.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	-	500.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	-	500.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	500.000.000	500.000.000
	<b>1.000.000.000</b>	<b>2.700.000.000</b>

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

*Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:*

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Ông Phan Thành Đạt	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	15.000.000	15.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	15.000.000	15.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>1.111.752.165</b>	<b>681.761.520</b>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	454.951.310	261.911.233
Ông Bùi Tuấn Dương	424.549.000	247.582.850
Bà Lê Thị Trang	232.251.855	172.267.437
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>33.000.000</b>	<b>33.000.000</b>
Ông Trần Minh Đức	15.000.000	15.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	9.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	9.000.000	9.000.000

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 23 tháng 4 năm 2026